

## Chương Chín

Đang tu học yên ổn và vui vẻ với bạn học cùng lớp cũng như dưới sự hướng dẫn tận tình của thầy Thông Chánh, bỗng có tin là tôi phải cùng chú Thiệt theo thầy tôi và một thầy học tăng trẻ khác qua ở chùa Linh Phong. Chùa này cũng ở trên đỉnh đồi Trại Thủy, nhưng nằm trên cánh khác của ngọn đồi. Theo địa lý thì đồi Trại Thủy có hình thù của một con dơi. Chánh điện Hải Đức nằm trên đầu dơi, còn chùa Linh Phong mà chúng tôi sắp đến thì nằm ở cánh phải. Cánh phải này đâm ra phía Mả Vòng, sát với quốc lộ số I. Như vậy, từ quốc lộ rẽ vào con đường đưa đến cổng chính Phật học viện Hải Đức, người ta phải đi ngang chùa Linh Phong. Đã có nhiều lần đi ngang đây, nhìn thấy ngôi chùa Linh Phong này từ xa, trên núi cao, tôi không để ý lắm. Không ngờ nay tôi trở thành một chú tiểu của chùa đó.

Nguyên xưa kia, trên trăm năm trước, ngôi chùa này còn là một ngôi miếu thờ Quan Công do một số người Hoa lập nên. Sau, có một vị sư già pháp hiệu là Phổ Tế từ Huế vào, nhận lời trụ trì và cải đổi ngôi miếu thành ngôi chùa, đặt tên là *Linh Phong Cổ Tự*. Nhưng người ta vẫn quen gọi chùa này là *chùa Núi* cho gọn thay vì gọi bằng cái tên dài dòng mà Hòa thượng Phổ Tế đặt cho. Sau mấy mươi năm trụ trì, Hòa Thượng Phổ Tế cất một thiền thất gần chùa rồi ẩn tu, không tiếp xúc tục khách nữa. Ngôi chùa vì vậy thiếu người trông nom. Các phật-tử người Hoa không mời được thầy về thay thế vị hòa thượng già, bèn nhờ cậy phật-tử Việt tại địa phương xóm Xường, tức xóm nhà nằm giữa chùa Núi và Phật học viện Hải Đức. Những phật-tử này cử người lên viện thỉnh cho được thầy tôi sang trụ trì. Vì đang bận lo nhiều phật-sự ở viện cũng như nhiều chùa khác nên tuy nhận lời, thầy tôi không có mặt thường xuyên tại chùa Linh Phong được. Đó là lý do thầy tôi đem theo một thầy học tăng trẻ và hai chú tiểu để phụ giúp trông coi công việc của chùa.

Đã sống ở viện yên ổn, chẳng ai muốn dời qua sống tại một ngôi chùa nhỏ bao giờ. Nhưng thầy học tăng trẻ kia vì ở ngoài Huế mới vào chưa có chỗ ở ổn định, nên nghe nói thầy tôi mới nhận chùa liền xin đi theo. Còn chú Thiệt là một chú tiểu ngoài Phú Yên vào, học cùng lớp tôi, xin đi theo vì muốn có thay đổi. Chỉ có tôi là không tự chọn chuyển đến chùa Linh Phong này; tóm lại, tôi bị thầy tôi chỉ định.

Tôi thực tình là không muốn đi, nhưng làm sao dám cãi lệnh thầy. Tôi có hơi bất mãn trong lòng khi thầy tôi quyết định đưa tôi sang một ngôi chùa nhỏ, bắt đầu một cuộc sống mới với những sinh hoạt tuy rằng cũng tu cũng học, nhưng không gian có vẻ như thu hẹp lại ở mọi chiều khiến cho tâm hồn trở nên nhỏ bé, tù túng, rất khó chịu.

Ngày rời viện để qua chùa Linh Phong, tôi muốn khóc. Tôi có cảm giác như bị lưu đày. Thầy Thông Chánh an ủi:

“Bên đó bên này có xa gì nhau đâu, cũng cùng trên một núi thôi mà!”

Mỗi chiều vào giờ phóng tham, thầy Thông Chánh từ viện qua chùa Linh Phong để dạy kèm cho tôi. Dù sao thầy Thông Chánh cũng được tự do hơn tôi nên thầy phải tìm đến trò để dạy chứ không phải ngược lại như thông lệ.

Ngày đầu tiên đến chùa Linh Phong, thầy trò chúng tôi bốn người lo dọn dẹp, quét tước suốt ngày. Đến tối thì chỉ có thầy tôi là có chiếc giường sắt nhỏ để nghỉ đêm, còn thầy học tăng kia (pháp danh là Trừng Hùng) ngủ trên bộ ván gỗ. Chú Thiệt và tôi thì treo mình ngủ dưới đất. Lúc đó chưa có dãy Đông nên bốn thầy trò tập trung ngủ tại nhà Tây. Điện của nhà Tây cũng chưa bắt hay đã bị cháy bóng rồi nên phải thắp đèn dầu đêm ấy. Đêm buông xuống thì tối mịt tối mờ, y như ở nhà quê vậy. Ở mặt trước của chùa có bốn cây me cổ thụ trên trăm tuổi, ban ngày thì tỏa bóng mát rất lý tưởng, nhưng ban đêm có bước ra ngoài để tiểu tiện thì cũng phải rùng mình, kinh sợ cái dáng hùng vĩ mà âm u của chúng.

Tưởng cũng cần nói thêm ở đây một chuyện không được thơ mộng nhưng lại là nét đặc biệt không thể bỏ qua của chùa Linh Phong: chùa không có cầu tiêu. Có lẽ vì xưa kia, nơi đây chỉ là một cái miếu thờ Quan Thánh của người Hoa, lâu lâu người ta mới thắp nhang, xin xăm, xong chuyện thì về nhà, có ăn uống hay ở chơi lâu đâu mà nghĩ đến chuyện “lớn.” Đến khi thỉnh được Hòa thượng Phổ Tế, người ta cũng không nghĩ đến chuyện xây cầu tiêu, vì Hòa thượng có ăn uống bao nhiêu đâu, lại sống đơn giản nữa, chẳng bao giờ

đòi hỏi gì hết, nên người ta cũng lờ luôn chuyện xây cái cầu tiêu tiêu chuẩn. Như vậy, đã hơn trăm năm rồi, nơi đây không có cầu tiêu. Nhấn mạnh điều đó để tự an ủi rằng không phải chỉ có thầy trò chúng tôi mới chịu cái thiệt thòi, bất hạnh này.

Ngày đầu, tôi thắc mắc là cầu tiêu ở đâu. Tôi hỏi chú Thiệt, chú bảo tôi đi theo chú xuống ngõ bếp. Tôi tưởng cầu tiêu nằm phía sau nhà bếp, không ngờ đến ngang cửa bếp, chú lôi ta từ trong góc một cái cuốc, đưa tôi, nói tỉnh bơ:

“Cầu tiêu nè!”

Vậy mà thằng bé ít khi bị chê là ngu độn như tôi cũng không hiểu nổi, cứ hỏi:

“Là sao?”

Chú Thiệt cười ngặt nghẽo một lúc mới giải thích cho tôi hiểu. Té ra là vậy! Phải cuốc đất lên, làm một cái lỗ vừa phải đầu đó ngoài núi, nơi chỗ khuất, xong việc thì lấp đất lại, kiểu như mèo vậy. Khổ nổi, dù chung quanh chẳng ai dòm ngó, cũng có cảm giác xấu hổ khó chịu, chẳng sao thoải mái được. Chuyện “đi ngoài” lâu nay đã là chuyện phiền, bây giờ lại càng phiền hơn.

Cầu tiêu là cái quan trọng, thiết yếu nhất mà người ta còn không chịu xây nói gì là cái buồng tắm. Cho nên, thường thường, chúng tôi phải chờ đến tối mới xách nước ra sau hiên bếp mà tắm. Chẳng có vách che, nhiều khi gió núi thổi lạnh run mà cũng đành chịu.

Vài hôm sau, có phật-tử dưới xóm lên đào một cái hố lớn phía sau núi để làm cầu tiêu cho chùa. Trên miệng hố, người ta có bắc ngang một tấm ván dày. Cầu tiêu đơn giản như vậy thôi nhưng dù sau cũng tươm tất và có vẻ ổn định hơn là mỗi lần đi là mỗi lần vác cuốc theo y như nông phu ra đồng. Quan trọng hơn nữa là mỗi lần đi là mỗi lần vác cuốc theo y như nông phu ra đồng. Quan trọng hơn nữa là mỗi lần đi là mỗi lần vác cuốc theo y như nông phu ra đồng. Quan trọng hơn nữa là mỗi lần đi là mỗi lần vác cuốc theo y như nông phu ra đồng. Tuy nhiên, con đường dẫn từ nhà bếp ra đến cầu tiêu đã chiến này thì ngoằn ngoèo, người đi dễ bị lạc vào ban đêm. Cũng từ cái ngoằn ngoèo, nó khiến người ta bước đến cầu tiêu một cách đột ngột. Nghĩa là nếu có ai ngồi sẵn nơi đó thì người đến sau chẳng làm sao mà biết được. Thậm chí người ngồi sẵn nơi đó cũng chẳng biết là có một người khác đang tiến về phía mình. Đang bước vòng qua vòng lại theo con đường bỗng dừng một cái: tới cầu tiêu. Nếu đã có người thì “A!” lên một tiếng, người kia cũng “A!” một tiếng, kẻ lật đật quay lưng, người đồ mặt đỏ mào lo ẩn nấp, che giấu. Lỡ một lần như vậy rồi nên thầy Trùng Hùng dặn chúng tôi:

“Lần sau có ra cầu tiêu phải nhớ tăng hăng mấy tiếng trước cho người ta biết. Đừng có làm thình lủi lủi mà đi như vậy. Xón xa xón xác chẳng chịu ngó trước ngó sau gì hết!”

Dù đã dặn dò kỹ như vậy, thầy Trùng Hùng cũng chưa yên tâm. Mỗi lần có việc phải ra cầu tiêu, thầy luôn mang theo một tờ báo. Lỡ có ai lò mò ra cầu tiêu khi thầy đang có mặt ở đó thì thầy vừa tăng hăng vừa mở báo ra mà che. Trông thì có vẻ như đang thông thả đọc báo vậy thôi chứ thực ra ai mà muốn ngồi lâu nơi đó! Sau này, mỗi lần thầy Trùng Hùng đi có việc mà tôi có hỏi tới thì chú Thiệt trả lời rằng:

“Thầy đi đọc báo rồi.”

Chú Thiệt lớn hơn tôi ba, bốn tuổi, lại là dân nhà quê đã quen việc ruộng rẫy nên biết rất nhiều việc từ lớn đến nhỏ trong chùa, ngay cả việc bếp núc là việc mà tôi cứ đinh ninh phải là việc của những người phụ nữ lớn tuổi. Ngày đầu tiên, chúng tôi lo dọn dẹp, có mấy cô phật-tử dưới xóm lên nấu cơm và thức ăn. Qua hôm sau, mấy cô không lên nữa, chú Thiệt xắn tay nấu cơm. Thầy Trùng Hùng thì nấu thức ăn, kho đậu hủ, xào cải với nấm rơm, nấu canh khổ qua, đủ món cả, ăn rất ngon. Thầy Trùng Hùng chỉ nấu một lần, sau đó thì giao cho chú Thiệt và tôi phụ trách luôn chuyện bếp núc hàng ngày. Giao chú Thiệt thì không sao, giao tôi thì tôi chết cứng. May sao chú Thiệt cũng vui vẻ làm hết. Được người khác ngưỡng mộ sự lịch lãm của mình cũng là một niềm vui lớn của con người mà!

Đến giờ nấu cơm, tôi xuống bếp theo chú Thiệt mà chỉ đứng lơ ngơ chứ chẳng biết làm gì. Tôi hỏi chú Thiệt:

“Sao chú biết nấu cơm hay vậy? Tôi không biết nấu cơm chú à.”

“Không sao, để tui nấu, chú làm việc khác, phụ lật rau, rửa rau được rồi.”

Chú nói vậy tôi mới an tâm. Nhưng chừng một tuần lễ sau thì chú Thiệt đâm nạnh-chắc thấy rằng không biết gì như tôi thì sướng quá-rồi chú thưa với thầy Trùng Hùng rằng chuyện nấu ăn phải chia phần chứ chú không chịu nấu hoài. Sau tuần đầu, thầy tôi chỉ có

mặt tại chùa Linh Phong vào mỗi chủ nhật, nên bao nhiêu việc ở chùa đều do thầy Trùng Hùng quyết định. Thầy Trùng Hùng nghe chú Thiệt đề nghị hợp lý quá, chấp nhận ngay. Vậy là chia phiên, chú Thiệt nấu một ngày, tôi nấu một ngày. Trong sự quyết định của thầy Trùng Hùng cũng như chú Thiệt, tôi thấy cái vẻ cay cú hiểm ác muốn hành hạ tôi cho bố ghét chứ chẳng phải bình thường. Họ biết tôi rất khổ sở khi phải chịu trách nhiệm loay hoay một mình dưới bếp để lo ba bữa ăn trong một ngày. Nếu họ muốn tập cho tôi nấu thì cũng phải hướng dẫn tôi nấu tận tình và cần một thời gian cho tôi thực tập chứ đâu phải đột ngột quyết định chia phiên như vậy. Hẳn là họ mong đợi tôi ôm nôi xoong mà khóc dưới bếp mới hả dạ!

Điều khổ thêm cho tôi là vào buổi sáng đầu tiên đến phiên tôi nấu, thầy tôi từ viện qua chùa Linh Phong thật sớm. Có lẽ ngày ấy thầy tôi rảnh việc bên viện. Thấy thầy qua, tôi càng lo sợ hơn, vì buổi điểm tâm đầu tiên do tôi dọn sẽ có thầy tôi thưởng thức nữa. Nhưng tôi đã nấu xong rồi, chẳng biết làm sao khác hơn. Tôi cứ dọn. Món này đối với tôi thì khỏe lắm, không tốn nhiều thời gian, lại ngon nữa: cơm chiên. Chỉ khổ là thầy tôi sẽ không dùng được. Cơm hôm qua chú Thiệt nấu còn dư (một phần do tôi cố ý ăn ít lại một chút để có cơm thừa), hôm nay tôi đem chiên lại mà ăn. Món cơm này kể ra thì chẳng khó khăn gì. Bắc chảo dầu lên, chờ sôi. Thay vì khử tỏi, khử hành như ở nhà thì khử "ba-rô" (chú Thiệt đọc như vậy. Tiếng Pháp là *boireau*, giống như hành lá nhưng củ và lá lớn hơn nhiều. Ở chùa dùng *boireau* thay hành tỏi là những thứ bị kiêng). Sau đó đổ cơm vào, xào, xào, trộn qua trộn lại sao cho cơm thấm dầu đều hết rồi nêm muối, bột ngọt, tiêu. Lại trộn đều. Để một lúc cho cháy dòn tí xíu dưới đáy chảo càng ngon. Vậy là xong.

Cơm dọn lên bàn rồi, thầy Trùng Hùng hỏi tôi trong lúc thầy tôi và chú Thiệt đang lo dọn dẹp gì đó trên chánh điện:

"Chỉ vậy thôi sao?"

"Buổi sáng không ăn cũng được mà thầy. Có cơm chiên là quý rồi."

Thầy Trùng Hùng khựng một lúc rồi nói:

"Bữa nay có thầy trụ trì qua mà nấu vậy đó hả, rồi thầy trụ trì dùng cái gì? Cơm thừa mà dám mời thầy sao?"

"Con nấu xong rồi thầy trụ trì mới qua. Con đâu cố ý dọn cơm chiên mời thầy. Bây giờ đâu biết nấu gì khác để dọn!"

"Tao đập chết bây giờ, mi nói ngang ngạnh như vậy đó hả?"

Tôi lặng thinh quay xuống bếp, nhưng cũng không giấu được vẻ bức mình quạ quọ của mình trên nét mặt. Thầy Trùng Hùng bước theo, nói:

"Nấu liền một cơm trắng nhỏ đi, rồi đồ ăn để tao nấu."

Những tiếng "tao, mi" hằn học của thầy Trùng Hùng như làm tổn thương cái khối đạo tình đẹp đẽ nguyên vẹn mà tôi có được đối với đồng đạo kể từ khi bước chân vào chùa. Tôi lấy cái xoong nhỏ, vào kho đong gạo thì thầy tôi từ chánh điện bước xuống nhà Tây, ngồi vào bàn ăn. Thầy Trùng Hùng thưa:

"Bạch thầy, vì không biết thầy qua sớm nên chú Khang chỉ chiên cơm thôi chứ chẳng nấu gì. Con bảo chú nấu cơm trắng để mời thầy. Chú đang nấu dưới bếp, thỉnh thầy chờ thêm một lúc."

Thầy tôi vui vẻ nói:

"Đâu cần phải nấu chi nữa. Cơm chiên như vậy được rồi. Có chi ăn nấy cho khỏe. Điểm tâm mà bày vẽ chi nhiều. Kêu chú ấy lên ăn đi, đừng nấu nữa."

Chú Thiệt vội xuống gọi tôi. May là tôi chưa vo gạo. Tôi theo chú Thiệt ngồi vào bàn ăn. Thầy tôi bưng chén cơm chiên hỏi:

"Cơm ai chiên vậy?"

Thầy Trùng Hùng đáp:

"Bạch thầy, chú Khang chiên đó. Hôm nay đến phiên chú nấu. Con chia phiên cho hai chú mỗi chú nấu một ngày."

Thầy tôi cười, có vẻ như không chú ý lời thầy Trùng Hùng, quay qua hỏi tôi:

"Con cũng biết chiên cơm nữa hả? Cơm chiên này lâu lâu ăn một lần thì được, đừng chiên cơm thường xuyên ăn không tốt đâu."

Rồi thầy tôi ăn ngon miệng. Tôi nhìn thầy mà ứa nước mắt. Thầy tôi không bao giờ ăn cơm chiên. Thầy cứ ăn những món có nhiều dầu. Lỡ có ăn vào là thầy bị đau bụng, khó tiêu. Bên viện, các dì vào phải nấu riêng thức ăn cho thầy tôi chứ không nấu theo thức ăn của đại chúng. Nấu ăn cho thầy tôi, các dì vài không dùng bột ngọt, dầu ăn, đường cát, tiêu, ớt, v.v... Cơm hay thức ăn dọn cho thầy tôi cũng chẳng ai dám dọn cơm thừa hay thức ăn để cách đêm, vì mỗi lần thầy tôi ăn vào những món ăn như vậy là lâm bệnh mấy ngày. Vậy mà bây giờ thầy ngồi vào bàn, tự bới cơm lấy, ăn một cách ngon lành cái món cơm chiên đơn sơ mà nhiều *độc tố* do tôi nấu.

Sau bữa ăn, tôi đang rửa chén thì thầy Trùng Hùng xuống chỉ mặt tôi nói:

"Từ nay về sau không bao giờ chiên cơm nữa nghe chưa. Cơm có dư thì hai chú ăn đi, không được dọn cho mấy thầy."

Trưa đến, tôi lại phải xuống bếp, hì hục nấu cơm một mình. Quả là một cực hình cho tôi mà chẳng ai hiểu thấu. Không, chắc là có hai người hiểu thấu chứ, đó là thầy Trùng Hùng và chú Thiệt. Hai người đó biết rõ là tôi xuống bếp nấu ăn sẽ hư sự vì tôi thật là chưa biết nấu ăn. Vo gạo xong, tôi đổ nước vào đầy nồi rồi lo chụm lửa. Khổ nhất là đun củi sao cho cháy. Tuần trước còn nấu bằng lò dầu hỏa nhưng thầy Trùng Hùng bày ra chuyện nấu bằng lò củi cho đỡ tốn kém-củi mua rẻ tiền mà cũng có thể gom được đàng sau núi. Hồi mới bắt đầu nấu bằng lò củi, chú Thiệt đã đun củi bằng cách đổ vào một ít dầu hỏa trước khi châm lửa. Thầy Trùng Hùng biết được liền quở:

"Không được dùng dầu hỏa mà nhen lửa! Tao bảo nấu củi là để đỡ tốn dầu hỏa mà mi còn lấy dầu hỏa rưới vào củi, vậy sao gọi là tiết kiệm được!"

"Con rưới có chút xí cho để bắt lửa thôi mà!" chú Thiệt phân bua.

"Cũng không được nữa. Củi khô, chụm là phải cháy, cần gì dầu hỏa!"

Lần sau, không có dầu hỏa chú Thiệt vẫn nhen được lò củi một cách dễ dàng vì chú thay dầu hỏa bằng sáp vụn lấy từ đèn cây chày ra. Ở chùa thì sáp vụn đâu có thiếu. Ngày nào cũng thắp đèn cây cúng Phật mà. Nhưng thầy Trùng Hùng biết được lại la:

"Không được xài sáp vụn!"

Chú Thiệt không giấu được vẻ bực mình, hỏi lại:

"Sao vậy thầy? Sáp vụn không xài để đem đi đổ hết à?"

"Đừng có hỏi. Để dành sáp đó cho tao. Ngoài Huế người ta gom sáp đó lại thành kí mà bán chứ chẳng ai lai đi nhen lửa như mi cả."

Vậy là dầu hỏa hay sáp vụn đều bị cấm trước khi đến lượt tôi nấu cơm. Thực ra không có dầu hỏa hay sáp vụn, chú Thiệt vẫn cứ nhúm củi cháy được như thường vì chú biết cách. Lúc chưa đi tu chú ấy còn biết nhúm lửa bằng lá hay rơm khô nữa kia, nói chi củi. Chỉ khổ là khổ cho tôi thôi. Tôi xé một mớ giấy báo, vùi dưới củi rồi đốt, chỉ thấy khói lên mù mịt; khi lửa bén được thì bùng lên một cái, cháy rụi hết giấy báo, củi vẫn nằm ì ra đó, chưa cháy được lớp vỏ khô bên ngoài. Loay hoay một lúc lâu mà không nhen được lò, tôi vừa quạu vừa tức thầy Trùng Hùng và chú Thiệt cố tình bức hiếp tôi. Cho dù tôi xuất gia với một chí nguyện kiên cường thì tôi vẫn cứ là một đứa con nít, bị ép quá thì cũng khóc thôi. Chẳng biết phải làm sao, tôi ngồi thừ ra một chặp. Chợt nghĩ đến bữa cơm phải dọn vào trưa nay, tôi thấy trong lòng bồn chồn lên. Tôi lú quíu nhét thêm giấy báo vào lò, lại môi lửa đốt. Vẫn là khói. Nước mắt tôi chảy ròng ròng. Bỗng thầy tôi xuất hiện. Tôi đứng dậy khi thầy bước vào bếp.

"Khóc hả?"

"Bạch thầy không phải. Tại khói cay mắt."

"Con mới nấu cơm lần đầu, phải không?"

"Dạ."

Thầy tôi xắn tay áo, ngồi khom xuống, kéo hết mấy nhánh củi ra khỏi bếp lò. Đưa một khúc củi lên nhìn, thầy nói:

"Củi này chưa được khô. Nhen khó bắt lửa lắm. Chỉ lên khói thôi."

Rồi thầy soạn đống củi nhỏ chất đống trong góc bếp, lòi ra một ít nhánh. Lấy từng khúc củi gỡ thử lên đá để xem củi đã khô chưa. Thầy dạy tôi cách sắp củi vào lò, đan vào nhau, chừa khoảng trống ở dưới cho thông hơi. Từ khoảng trống đó, thầy đưa giấy mồi lửa

vào. Củi bắt lửa dễ dàng, cháy phừng phực. Thầy xoay qua nhen lửa cho lò khác. Tôi chú ý học cách thầy làm. Hai lò đã cháy cả rồi, thầy bảo tôi bắt nồi cơm và xoong nước để nấu canh lên. Xoong nước nấu canh thì chẳng sao. Chỉ có nồi gạo thì thầy chặt bớt nước, nói rằng nhiều quá. Vậy mà tôi cứ tưởng đổ vào bao nhiêu nước cũng được! Thầy tôi nói:

“Nước nấu cơm căn cứ theo mực gạo mà đong. Mực nước cao hơn mực gạo hai lóng tay là vừa. Nhưng cũng tùy theo gạo mới gạo cũ nữa. Gạo mới thì ít nước lại một chút, chừng một lóng tay thôi.”

Thầy dạy tôi vậy nhưng rồi tự tay thầy nấu hết, từ nồi cơm đến xoong canh rau, đến món tàu hũ kho. Vừa nấu thầy vừa giải thích cho tôi rõ. Hai thầy trò đang lui hui dưới bếp thì thầy Trùng Hùng bước xuống. Thấy thầy tôi đang nêm nếm thức ăn, thầy Trùng Hùng cười bẽn lễn:

“Thầy để chú ấy nấu cho quen chứ thầy làm vậy chú ý lại. Con chia phiên chú ấy là để tập cho chú đó.”

Thầy tôi chỉ cười, nói:

“Cũng tùy theo chuyện mà chọn cách dạy, cách tập. Không phải muốn một người mau biết bơi cứ đem thả họ xuống chỗ nước sâu rồi mình bỏ đi hết là tức khắc người ấy sẽ biết bơi. Phải có dạy, có giải thích, rồi phải có thời gian cho họ thực tập nữa chứ.”

“Lúc ở nhà, chín mười tuổi con đã biết nấu cơm rồi. Chú Khang mười hai, mười ba đâu còn nhỏ nữa, bạch thầy.”

“Thì tôi cũng vậy thôi. Nhưng mình ở nhà quê thì khác. Người ở phố có khi có gia đình, có con cái cả rồi cũng chưa chắc là họ biết nấu cơm bằng lò củi!”

Thầy Trùng Hùng cười thẹn:

“Thôi thầy lên nghĩ để con nấu cho chú ấy.”

Thầy tôi đáp:

“Xong hết rồi. Bày cho chú nấu vậy thôi chứ tôi đâu có nấu gì.”

Thầy tôi quay lên Tô đường. Chờ thầy tôi đi khuất, thầy Trùng Hùng la:

“Sao để cho thầy trụ trì nấu vậy? Điệu ở chùa gì mà vô tích sự!”

Nói rồi thầy Trùng Hùng bỏ đi. Tôi ngồi lại một mình dưới bếp, thăm cảm ơn những cử chỉ tế nhị của thầy tôi. Và tự dưng, trong lòng tôi nảy sinh sự bất phục đối với thầy Trùng Hùng. Lẽ ra, theo luật Sa-di mà tôi học thì tôi không được bất bình hay khinh ghét các thầy tỷ-kheo; nhưng cái tính con nít của tôi nó vậy: nhịn mọi thứ ở bề ngoài thì được, nhịn nổi bất bình bên trong thì không. Con nít nhạy bén lắm chứ. Người nào đáng phục thì phục, người nào không đáng phục thì không thể phục. Đành làm một chú tiểu bướng bỉnh (ngầm) vậy!

*(mời xem tiếp Chương 9, kỳ 2, vào số tới)*

**Vĩnh Hào**